

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các Dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 13/3/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (gồm Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014; Thông tư số

33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường hợp nhất tại Văn bản số 04/VBHN-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 708/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 4 của Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Quy trình) ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh như sau:

“Điều 4. Quy trình và thời gian thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp để thực hiện các Dự án

1. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và phải cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 19 bước, gồm bước 1, 2 và từ bước 4 đến bước 20 tại mục II, Phụ lục I của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 205 ngày.

2. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải kiểm đếm bắt buộc nhưng không cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và không cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 15 bước, gồm các bước 1, 2, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20 tại mục II, Phụ lục I của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 159 ngày.

3. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải thực hiện kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc nhưng không thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 17 bước; gồm các bước 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20 tại mục II, Phụ lục I của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 187 ngày.

4. Quy trình thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp không thực hiện kiểm đếm bắt buộc và không cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc nhưng phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 16 bước; gồm các bước 1, 2, 4, 8, 9, 10,

11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 tại mục II, Phụ lục I của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 144 ngày.

5. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất thì không phải chờ hết thời gian quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều này.”

Điều 2. Sửa đổi Điều 5 của Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 như sau:

“Điều 5. Quy trình và thời gian thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án

1. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và phải cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 18 bước, gồm bước 1, 2 và từ bước 4 đến bước 19 tại mục II, Phụ lục II của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 109 ngày.

2. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải kiểm đếm bắt buộc nhưng không cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và không cưỡng chế thu hồi đất.

a) Tổng số các bước thực hiện: 14 bước, gồm các bước 1, 2, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 19 tại mục II, Phụ lục II của Quy định này:

b) Tổng thời gian thực hiện: 87 ngày.

3. Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp phải thực hiện kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc nhưng không thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

a) Tổng số các bước thực hiện: 16 bước, gồm các bước 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 19 tại mục II, Phụ lục II của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 94 ngày.

4. Quy trình thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án đối với các trường hợp không thực hiện kiểm đếm bắt buộc và không cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc nhưng phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

a) Tổng số các bước thực hiện: 15 bước, gồm các bước 1, 2, 4, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 tại mục II, Phụ lục II của Quy định này.

b) Tổng thời gian thực hiện: 87 ngày.

5. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất thì không phải chờ hết thời gian quy

định tại khoản 1, 2, 4 Điều này.”

Điều 3. UBND cấp huyện thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*) quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể.

Điều 4. Thời gian thực hiện cụ thể cho từng bước, từng khâu công việc tại Phụ lục I quy định về Quy trình đối với đất Phi nông nghiệp và Phụ lục II quy định về Quy trình đối với đất Nông nghiệp, do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định.

Điều 5. Bãi bỏ một số nội dung quy định tại Phụ lục I, II, IV kèm theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 như sau:

1. Bãi bỏ cột “Thời gian (*ngày*)” và “bước 3” tại Phụ lục I Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất Phi nông nghiệp.

2. Bãi bỏ cột “Thời gian (*ngày*)” và “bước 3” tại Phụ lục II Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất Nông nghiệp.

3. Bãi bỏ “Mẫu 02. Sơ họa vị trí thửa đất thu hồi” tại Phụ lục IV quy định về một số Mẫu văn bản chung trong quá trình thực hiện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế (HĐND tỉnh);
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT (HVT_T)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh